

**DANH MỤC TÀI LIỆU MÔN NGOẠI NGỮ (TIẾNG ANH)**  
(Kèm theo Thông báo số /TB-SNV ngày tháng 10 năm 2023  
của Sở Nội vụ tỉnh Bắc Kạn)

**1. Verbs and verb forms**

**1.1. Verbs**

- Transitive verbs
- Intransitive verbs
- Auxiliary verbs
- Modal verbs:
  - + can (*ability, request*)
  - + could (*ability, possibility; polite request*)
  - + would (*polite request*)
  - + will (*offer*)
  - + shall (*suggestion, offer*)
  - + should (*advice*)
  - + have to (*obligation*)
  - + must (*obligation*)
  - + mustn't (*prohibition*)

**1.2. Verb forms**

- Gerunds after prepositions
  - Gerunds after verbs
  - Infinitives (with and without "to") after verbs
- (common only)

**2. Nouns**

- Noun phrases
- Countable nouns: singular, plural
- Uncountable nouns
- Compound nouns

**3. Adjectives**

- Adjective sequence (order of adjectives)
- Adjectives of color, size, shape, quality, nationality, etc.
- Possession: *my, your, his, her, etc.*
- Comparisons: Comparative, equality and superlative (regular and irregular)

**4. Adverbs**

- Manner: *quickly, carefully, etc.*

- Frequency: *often, never, always, etc.*
- Time: *now, yesterday, already, just, yet, etc.*
- Degree: *very, too, etc.*
- Sequence: *first, next, etc.*
- Agreement: *too, either, etc.*

### **5. Pronouns**

- Personal (subject, object): *I, we, me, them, etc.*
- Reflexive: *myself, himself, etc.*
- Impersonal: *it, there*
- Demonstrative: *this, that, these, those*
- Indefinite: *something, everybody, some, any, etc.*

### **6. Quantifiers: *some, any, many, much, a few, a lot of, every***

### **7. Articles**

- *a/an* + countable nouns
- *the* + countable/uncountable nouns

### **8. Prepositions**

- Location: *to, on, inside, next to, at, etc.*
- Time: *at, on, in, etc.*
- Direction: *to, into, out of, from, etc.*
- Instrument: *by, with*
- Prepositional phrases:
  - + Adjective + preposition: *afraid of, interested in, etc.*
  - + Verb + preposition: *laugh at, ask for, etc.*

### **9. Connectors**

- and, but, so
- when, while, until, before, after, as soon as, since
- because, if, although

### **10. Interrogatives**

- What, What + noun
- Where, When
- Who, Whose, Which
- How, How much, How many, How often, How long
- Why

*(including the interrogative forms of all tenses listed below)*

### **11. Tenses**

- Present simple: *states, habits*

- Present continuous: *actions that are happening at present*
- Present perfect simple:
  - + recent past with *just*
  - + indefinite past with *yet, already, never, ever*
  - + unfinished past with *for, since*
- Present perfect continuous
- Past simple: *past events*
- Past continuous
- Past perfect
- Future with "*be going to*" and/or "*will*"

## 12. Question tags (common only)

## 13. Conditional sentences

- Type 1: If + S + present simple, S + future simple
- Type 2: If + S + were/ V-ed, S + would/wouldn't + V
- Type 3: If + S + had/hadn't + PII, S + would/wouldn't + have + PII

## 14. Relative clauses

Relative pronouns "*who, whom, which, that*" in defining relative clauses.

## 15. Reported speech (*Simple tenses only*)

- Statements with "*say, tell*"
- Questions with "*ask*"

## 16. Passive voice

Affirmative Passive of Simple tenses only (Present Simple, Past Simple, Future Simple).

## 17. Kỹ năng đọc

- Nội dung: Các chủ đề về văn hóa, xã hội, giáo dục, y tế, địa lý, lịch sử, khoa học kỹ thuật, thể dục thể thao, giải trí, du lịch, gia đình, dân số, môi trường,...
- Hình thức:
  - + Đọc hiểu văn bản và trả lời câu hỏi trắc nghiệm khách quan (nhiều lựa chọn).
  - + Đọc hiểu và chọn từ thích hợp để hoàn thành văn bản.